

Số: *17* /2014/TT-BQP

Hà Nội, ngày *17* tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ

Ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;

Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

Căn cứ Thông tư số 202/2010/TT-BQP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tổ chức thực hiện công tác an toàn, bảo hộ lao động trong Quân đội;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong Quân đội có sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong huấn luyện, sản xuất, kinh doanh.

2. Đơn vị hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
3. Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội

1. Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hằng năm, cơ quan, đơn vị soát xét, gửi văn bản đề xuất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động qua Tổng cục Kỹ thuật (văn bản nêu rõ tên máy, thiết bị, vật tư cần sửa đổi, bổ sung vào danh mục, các thông số kỹ thuật và tác dụng).

Tổng cục Kỹ thuật tổng hợp, thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Quân đội.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Đối với đơn vị sử dụng các máy, thiết bị, vật tư:

a) Thực hiện việc đăng ký, kiểm định máy, thiết bị, vật tư thuộc danh mục quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này theo quy định của Bộ Quốc phòng.

b) Khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư thuộc danh mục quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này chưa được đăng ký, kiểm định (do chưa có quy trình, tiêu chuẩn, phương tiện kiểm định...) phải tuân thủ theo các quy trình, quy định an toàn hiện có.

2. Đối với đơn vị kiểm định:

a) Tiến hành kiểm định các máy, thiết bị, vật tư thuộc danh mục quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này theo đúng quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Bộ Quốc phòng ban hành.

b) Đối với các máy, thiết bị, vật tư chưa được cấp có thẩm quyền ban hành quy trình kiểm định, đơn vị kiểm định căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn chế tạo để xây dựng quy trình kiểm định.

3. Đối với Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội:

a) Tổng hợp số lượng máy, thiết bị, vật tư thuộc danh mục quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này; chỉ đạo kiểm định và thực hiện đăng ký theo quy định.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn chỉnh, trình Bộ Quốc phòng ban hành các bộ quy trình kiểm định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.
2. Các quy định khác trái với quy định của Thông tư này không còn hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, chỉ huy các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Bộ TTM; TCCT;
- Tổng cục: Hậu cần, Kỹ thuật (3^b), CNQP, Tổng cục 2;
- Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9;
- Quân đoàn: 1, 2, 3, 4;
- Quân chủng: HQ, PK-KQ;
- Bộ tư lệnh: BDBP, BVL, TĐHN, CSB;
- Binh chủng: TTG, CB, TTLL, ĐC, HH, PB;
- Cục: ĐN, TC-ĐL-CL, QY;
- Học viện: QP, LQ, CT, HC, KTQS, QY;
- Trường SQ: CT, LQ1, LQ2;
- Viện: KHCSQS, BV108, 175, VYHCTQĐ;
- Trung tâm NĐVN;
- Binh đoàn: 11, 12, 15, 16, 18;
- Tập đoàn VTQĐ; Tổng Cty: ĐB, TS, 319, 36, XDQĐ, ĐTPIN&ĐT; Cty Lũng lô;
- Lưu: VT, NCTH, PC, Q 65^b.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Trương Quang Khánh

DANH MỤC MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG QUÂN ĐỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BQP ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

I. Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động do nhà nước quy định thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar. Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C.

2. Nồi gia nhiệt dầu.

3. Đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và cấp II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên, các loại đường ống cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158 và 6159:1996).

4. Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 Bar (không kể áp suất thủy tĩnh) (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010).

5. Bể (xitéc) và thùng để chứa, chuyên chở khí hoá lỏng hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010).

6. Các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hoá lỏng, khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG), khí hoà tan có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar.

7. Hệ thống đường ống dẫn khí đốt cố định (trừ đường ống dẫn khí đốt trên biển); hệ thống đường ống dẫn khí y tế.

8. Hệ thống lạnh các loại (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104: 1996), trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có môi chất nạp vào nhỏ hơn 5 kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5 kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 3.

9. Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hoá lỏng, khí hoà tan; hệ thống cung cấp khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) tại nơi tiêu thụ (bao gồm cả hệ thống tại nơi tiêu thụ dân dụng và công nghiệp).

10. Cần trục các loại: Cần trục ô tô, cần trục bánh hơi, cần trục bánh xích, cần trục đường sắt, cần trục tháp, cần trục chân đế.

11. Cầu trục: Cầu trục lăn, cầu trục treo.

12. Cổng trục: Cổng trục, nửa cổng trục.

13. Trục cáp chở hàng; trục cáp chở người; trục cáp trong các máy thi công; trục tải giếng nghiêng; trục tải giếng đứng.

14. Pa lăng điện; Pa lăng kéo tay có trọng tải từ 1000 kg trở lên.

15. Xe tời điện chạy trên ray.

16. Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người; tời nâng người làm việc trên cao.

17. Tời thủ công có trọng tải từ 1000 kg trở lên.

18. Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1000 kg trở lên.

19. Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2 m.

20. Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người.

21. Thang máy các loại.

22. Thang cuốn; băng tải chở người.

23. Các loại thuốc nổ.

24. Phương tiện nổ (kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm ...).

II. Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng

1. Thiết bị an định thuốc phóng, thuốc nổ (thiết bị an định Linter; thiết bị an định Hecxozen; thiết bị an định NitroXelulo) có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010) và môi chất dễ gây cháy, nổ.

2. Thiết bị phản ứng thuộc dây chuyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ (thiết bị tạo NitroGlyxerin; thiết bị tạo NitroXelulo; thiết bị tạo Dintrotoluen; thiết bị chế tạo axit Tetraxen; thiết bị chế tạo axit Stipnat chì) có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010) và môi chất dễ gây cháy, nổ.

3. Thiết bị chịu áp lực chứa nguyên liệu chế tạo vật liệu nổ (thùng áp suất vận chuyển Na_2CO_3 ; thùng áp suất vận chuyển DNT; thùng áp suất vận chuyển EAC; thùng áp suất vận chuyển Na_2SO_4 ; thùng áp suất vận chuyển Na_2SO_3) có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010) và môi chất dễ gây cháy, nổ.

4. Thiết bị nhồi, nén thuốc nổ thuộc dây chuyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị bằng cơ khí (máy nén tinh; máy nén 10 vị trí); thiết bị bằng thủy lực (máy nén thủy lực; thiết bị nén thuốc hạt lửa; máy ép thuốc đen).

5. Thiết bị hỗn lô thuốc phóng, thuốc nổ thuộc dây chuyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị trộn thùng quay (máy trộn thuốc dây dẫn nổ; máy nghiền trộn thuốc đen ba phần; máy nghiền trộn Amonit; máy trộn bột tan với

thuốc Hecxozen); thiết bị trộn dạng lắc (máy sàng thuốc TEN; máy khử bụi chọn hạt thuốc đen; máy tạo hạt thuốc đen; máy sàng thuốc gọi nỏ); thiết bị trộn dạng cánh đảo (máy trộn thuốc hỗn hợp; máy trộn hỗn hợp thuốc nỏ ướt; máy trộn gom với thuốc nỏ).

✓ 6. Thiết bị lắp ráp, rung xóc đạn, hạt lửa: Máy thử chân động; máy thử va đập; máy rút, tốp đạn; thiết bị tháo ngòi và ống đuôi đạn B40.

7. Máy đánh gi đạn.

8. Thiết bị kẹp đạn bằng khí nén có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010).

9. Buồng tăng, giảm áp suất; bình lọc khí cao áp; buồng áp suất sử dụng trong huấn luyện và điều dưỡng cho đặc công nước có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010).

10. Trạm nén khí YKC, VZ20/350; trạm ôxy AKZC 75M; trạm Azôt UGZCIA dùng để nạp cho tên lửa có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366: 2010).

11. Cần trục các loại dùng: Nâng hạ ngư lôi, tên lửa; nâng hạ xuồng trên tàu, đảo.

12. Xà cầu đạn tên lửa.

13. Hệ thống nâng hạ bộ cầu phà PMP (tời để nâng hạ).

14. Thiết bị nâng hạ bom, đạn...(Pa lăng điện; Pa lăng kéo tay có trọng tải từ 500 kg trở lên).

15. Tời điện, tời thủ công dùng để nâng tải, kéo tải trong các xưởng sản xuất thuốc phóng, thuốc nỏ.

16. Xe nâng bom, đạn.

17. Xe cầu ghé dù (cầu ghé dù phi công)./.
